

DAY VÀ HỌC VĂN HỌC NGA THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH (Trao đổi kinh nghiệm)

Phạm Thị Phương*

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-01-2017; ngày phân biên đánh giá: 30-02-2017; ngày chấp nhận đăng: 15-4-2017

TÓM TẮT

Bài viết trao đổi một vài kinh nghiệm thực tiễn dạy và học Văn học Nga theo học chế tín chỉ, chú trọng trao đổi các phẩm chất cần có cho đội ngũ giáo viên có thể tiếp ứng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

Từ khóa: định hướng phát triển năng lực, học chế tín chỉ, văn học Nga.

ABSTRACTS

Teaching and Learning Russian Literature under the Credit-based Curriculum at Ho Chi Minh City University of Education (Experience Exchange)

The paper discusses some experiences in the reality of teaching and learning Russian literature under credit-based curriculum, focusing on qualities necessary for the teaching staff in their adaption to the new high school curriculum in a competency-oriented approach.

Keywords: competency-oriented approach, credit-based curriculum, Russian literature.

Đào tạo theo học chế tín chỉ ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) trải qua một quá trình tuy chưa dài nhưng đã có thể bước đầu đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm. Dựa trên thực tế áp dụng học chế tín chỉ từ khóa đầu tiên cho đến nay, người viết muốn trao đổi về cách thức tiến hành một học phần cụ thể với mục tiêu đặt ra là cố gắng đảm bảo được đặc trưng và chất lượng hình thức đào tạo này.

1. Quan niệm về các khâu dạy và học theo học chế tín chỉ

Trước sự thay đổi căn bản của triết lý giáo dục, sự tín chỉ hóa chương trình, người tham gia đào tạo buộc phải thay đổi

nhiều khâu của quá trình dạy và học: phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện quản lí, kiểm tra đánh giá...

- Phương pháp dạy và học

Có hay không phương pháp dành riêng cho hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ? Câu trả lời là có. Nó nằm ngay trong sự khác biệt căn bản của hệ hình lấy **người học làm trung tâm**, thay vì hệ hình truyền thống là lấy người dạy làm trung tâm. Vậy, phương pháp của nó tất phải khác biệt một cách cơ bản so với phương pháp của hệ hình cũ. Xin không nêu các phương pháp ấy dưới dạng lí thuyết (đã được các nhà khoa học giáo dục đề cập không ít), mà sẽ trình bày cách ứng dụng

* Email: phth.phuong@yahoo.com

chúng ở phần 2 của bài viết. Cái tôi muốn chia sẻ là, khi tiến hành nghiệp vụ, tôi chú trọng trước nhất hai hình thức mà tôi coi là “chìa khóa vàng” của dạy tín chỉ, đó là hình thức **tự học** ở nhà và hình thức **trao đổi** trên lớp. Khi tín chỉ hóa chương trình, thời gian làm việc trên lớp, so với trước kia, bị rút xuống $\frac{1}{2}$, nhưng không có nghĩa là khối lượng kiến thức giảm theo, mà ngược lại, gia tăng đáng kể, đòi hỏi phía người học cần chủ động với việc tự học và người dạy phải thiết kế lại cách thức tiến hành tiết học, sao cho người học biết vận dụng kiến thức có sẵn để giải quyết vấn đề đặt ra; người dạy củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức ấy, giúp người học sử dụng chúng hiệu quả hơn nữa. Nếu không thực hiện tốt hai hình thức này thì sẽ khó mà hứa hẹn một thành quả cần gặt hái trong đào tạo theo học chế tín chỉ.

Muốn trao đổi/ tranh biện hiệu quả, bắt buộc sinh viên phải tự trang bị kiến thức đã được giao phó, bởi vì, theo đúng nguyên tắc, tiết học tín chỉ sẽ không thuần túy cung cấp kiến thức, mà thiên về hướng dẫn sử dụng vốn kiến thức tích lũy, hệ thống và nâng cao chúng, liên kết với những tri thức liên ngành, với thực tế đời sống. Người học nào không đảm bảo được nội dung kiến thức cần có sẽ không theo kịp bài trên lớp; người dạy nào vẫn tiếp tục coi mình là nguồn tri thức duy nhất, đúng nhất, thực hiện thao tác truyền giảng kiến thức, tức vẫn đứng trong hệ hình lấy “người dạy là trung tâm”, thì mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ bị phá vỡ. Bởi lẽ, trong điều kiện thời gian làm việc trên lớp bị giảm $\frac{1}{2}$, chỉ có đầu óc thiên tài và khả

năng ưu việt mới vừa đảm bảo được khối lượng kiến thức cơ bản vừa kịp trau dồi những kỹ năng cần thiết vào đời.

Thời lượng cho các phương thức dạy và học trong tiết Văn học Nga được phân bố theo tỉ lệ (tương đối) như sau:

Thuyết giảng vấn đề trọng tâm (giảng viên): 30%

Giải đáp vấn đề khó (giảng viên): 20%

Thảo luận vấn đề cơ bản, vấn đề phát sinh (sinh viên + giảng viên): 50%

Ghi chú: Ngay trong hai phương thức đầu cũng có thể bao gồm các cuộc thảo luận giữa các bên tham gia tiết học.

- **Điều kiện về sĩ số**

Vì tiết học tín chỉ mạnh về tương tác, nên sĩ số phải đảm bảo để người dạy có thể đối thoại với từng người học, cùng lúc bao quát được tất cả các nhóm bài tập. Cần đầu tư thời gian thích đáng cho những sinh viên hạn chế khả năng diễn đạt, khuyến khích họ tập trình bày ý kiến. Những sinh viên khá và giỏi sẽ đặc dụng trong việc hỗ trợ giảng viên và giúp bạn bè cùng cộng tác, nhưng giảng viên vẫn phải dành thời lượng nhất định để nâng cao chất lượng học tập cho họ. Trong điều kiện chưa kịp bổ sung lực lượng chuyên môn, hiện học phần Văn học Nga chỉ do một giảng viên phụ trách, có thể chấp nhận sĩ số tối đa là 50 sinh viên, còn lí tưởng là 30 – 35.

- **Tài liệu, đề cương, kế hoạch, kiểm tra đánh giá**

Theo chương trình đào tạo tín chỉ của Trường ĐHSP TPHCM, Văn học Nga là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khoa Ngữ văn và là học phần tự chọn tự do cho

các sinh viên khoa ngoài, gồm 2 đơn vị học trình, tương đương với 30 tiết lí thuyết trên lớp và 60 – 90 tiết tự học ở nhà.

Giáo trình cơ bản từ trước đến nay là *Lịch sử văn học Nga* do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành, được chính thức sử dụng trong tất cả các trường đại học có khoa Ngữ văn. Tuy nhiên, với phương thức đào tạo mới, việc đóng khung trong một giáo trình cố định dễ bó hẹp kiến thức, hạn chế tinh thần cởi mở; hơn nữa, đây là một giáo trình tuy được biên soạn công phu, nghiêm túc, nhưng dựa trên nền tảng lí thuyết thập niên 70 – 80 thế kỉ trước, có nhiều điều không còn theo kịp các quan điểm lí luận mới của khoa học nhân văn thế kỉ XXI, không phù hợp với nguyên lí giáo dục mới. Trước thực trạng ấy, tài liệu học tập và tham khảo đã có nhiều bổ sung cần thiết, trong đó có *Giáo trình Văn học Nga* do Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM phát hành năm 2013. Một trong những mục đích của cuốn giáo trình này là “bổ sung kiến thức mới, phần nào thay thế các quan điểm lỗi thời; giới thiệu những tiếp cận mới, phù hợp hơn với quan niệm hiện đại về vai trò, giá trị văn chương”¹.

Khi đăng kí với phòng Đào tạo, người học đã được cung cấp thông tin về học phần và đề cương chi tiết. Tuy nhiên, ngay trong buổi làm việc đầu tiên, các bước của đề cương sẽ được cụ thể hóa và kế hoạch học tập sẽ được trình bày kĩ càng hơn. Ngoài những quy định chung của đại học, người dạy đưa ra những quy định

riêng của mình đối với người học và bản kế hoạch làm việc suốt học kì: về giờ giấc, cách thức trao đổi kiến thức, đánh giá kiểm tra, về thời lượng quy định cho từng phần, các trọng tâm, các vấn đề cần trao đổi, các tài liệu... của suốt quá trình học phần. Kế hoạch được nhìn trong một hệ thống như vậy, giúp người học ngay từ đầu có thể hình dung các chặng đường đi tới để chủ động và nghiêm túc sắp xếp thời gian tự học, chuẩn bị bài vở một cách hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, người học được thông báo địa chỉ trang web, nơi họ nhận tài liệu, bài tập, chỉ dẫn và hỗ trợ từ phía người dạy. Như vậy, sự tương tác giữa hai bên tham gia quá trình đào tạo không chỉ diễn ra trong thời gian trên lớp học.

Trong khâu **đánh giá kiểm tra**, nên gọi là *điểm giữa kì* hay *điểm quá trình*? Tôi thiên về cách gọi thứ hai, vì thực chất nó được bắt đầu từ buổi đầu kéo dài đến đến buổi học cuối cùng của học phần.

Trọng số kiểm tra quá trình và kiểm tra cuối kì cũng là điều cần cân nhắc. Xu hướng của tôi là đề cao quá trình học hơn là kết quả cuối kì, coi điểm quá trình học quan trọng hơn điểm thi hết môn. Điểm cuối kì chỉ đánh dấu một thời điểm nên độ tin cậy khó đo lường; trong khi đó, điểm quá trình được trải dài trong cả một học kì, cho thấy diễn biến, ghi nhận sự nỗ lực, tiến bộ của người học, nên độ tin cậy được minh xác hơn. Lâu nay tôi chọn trọng số 50 – 50 cho học phần mình phụ trách, và hiện đang cân nhắc có nên thay đổi thành 60 – 40 hay không. Trọng số nghiêng về điểm quá trình tất sẽ gây hiệu ứng tích cực đến

¹ Phạm Thị Phương (2013) *Giáo trình văn học Nga*, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, tr.3.

người học, làm họ từ bỏ thói quen lơ là suốt học kì, đến kì thi mới đối phó “chạy nước rút”.

2. “Nguyên tắc ba không” trong dạy và học Văn học Nga theo học chế tín chỉ

Bên cạnh những quy định bắt buộc của đào tạo tín chỉ, mỗi giáo viên có thể đưa ra nguyên tắc riêng của mình, miễn là không trái với tinh thần chung. Học phần Văn học Nga tiến hành theo “Nguyên tắc ba không”, được thông báo từ tiết đầu tiên và quán triệt trong suốt quá trình học tập. Đó là “*Không học chay*”, “*Không học thuộc lòng*”, “*Không có một đáp án duy nhất cho một vấn đề*”. Nguyên tắc này nhằm đem lại hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu chuyên môn, đồng thời rèn luyện những kỹ năng giáo dục đại học, thiết thực với cử nhân sư phạm – những người trong tương lai tiếp quản phương thức giáo dục theo định hướng phát triển năng lực ở nhà trường phổ thông. Đó là kỹ năng làm việc với văn bản, đọc sâu tác phẩm nghệ thuật, kỹ năng chủ động và lưu loát trình bày ý kiến, kỹ năng tư duy phản biện... Như vậy, học phần Văn học Nga không chỉ đảm bảo kiến thức chuyên ngành mà còn chú trọng thực hành những kiến thức liên ngành, trước hết là Lí luận dạy học, Lí luận văn học.

2.1. *Không học chay (Rèn luyện kỹ năng làm việc với văn bản, đọc sâu tác phẩm nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ)*

Lâu nay tồn tại một cách học văn đối phó đó là chỉ biết tác phẩm qua lời kể và mục tóm tắt. Học văn thật sự là phải làm việc với văn bản. Việc tự học của sinh viên giữ vai trò quan trọng trong rèn luyện thói

quen “làm việc thật”, nâng cao hoạt động trí tuệ, khiến anh ta chủ động với kiến thức chứ không phải là cái “phễu” cho người khác rót vào những thứ không thiết thực, không dung chứa nổi, và do đó sẽ dễ dàng chảy trôi đi mất, hoặc có đọng lại thì cũng vô bổ, không dùng được cho việc gì, thậm chí có thể gây tác hại. Có thể nói, học phần Văn học Nga huy động tối đa số thời gian quy định tự học. Việc kiểm tra đọc văn bản diễn ra dưới nhiều hình thức, quyết định rất lớn kết quả học tập. Muốn chứng minh thể giới thẩm mỹ của L. Tolstoi (Chủ nghĩa hiện thực sáng suốt, Phép biện chứng tâm hồn, Tư tưởng hòa giải) được hình thành ngay trong thời gian đầu sáng tác, buộc sinh viên phải đọc vài ba tác phẩm đầu tay của nhà văn, ít ra là các truyện ngắn *Những câu chuyện Sevastopol*, *Luysern...* Muốn thật sự bàn được vai trò của độc thoại nội tâm hay vai trò của thiên nhiên trong tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình*, sinh viên không thể dùng bản tóm tắt tác phẩm.

Trước hết, việc đọc sâu văn bản và có dịp trình bày, trao đổi, tranh luận khiến cho người học nắm vững hơn nội dung tư tưởng tác phẩm. Tiếp theo, nhờ làm việc với văn bản, người học mới thật sự cảm nhận được chiều sâu của nghệ thuật văn chương, tìm thấy “tính văn học” của tác phẩm – một đặc trưng cơ bản của văn học, phân biệt nó với các bộ môn khoa học khác. Khi đi sâu vào hình thức tác phẩm, sinh viên có dịp ứng dụng kiến thức lí luận văn học, cho thấy khiêu thẩm mỹ, độ nhạy cảm văn chương.

2.2. *Không học thuộc lòng (Rèn luyện kỹ năng diễn đạt và sử dụng kiến thức)*

Từ xa xưa Trang Tử đã cho rằng khi diễn đạt thì ý quan trọng hơn lời, “có lời vì ý, được ý hãy quên lời”, cho nên khi bàn luận không nên nương vào “lời” mà nương vào “ý”: “Ta tìm đâu được người biết quên lời/ Hầu cùng nhau đàm luận” (Nam Hoa Kinh – chương Ngoại vật). Thế nhưng suốt một thời gian dài học sinh Việt Nam được dạy thuộc “lời” văn bản, ít để tâm nắm “ý”. Khi được yêu cầu, các em đọc vanh vách, không sai dấu chấm phẩy. Tầm chương trích cú là phần giáo dục, “học vẹt” là phi khoa học. Việc học thuộc lòng, tái hiện kiến thức sao chép khiến người học nô lệ vào văn bản, vào tư tưởng có sẵn, vào lời người khác, còn bản thân không hiểu mình đang nói gì, sẵn sàng tin vào điều không cần kiểm chứng. Lâu dần, người học quen dần với lối “mớm lời”, không thể triển khai gãy gọn ý kiến đơn giản nhất của mình. Hậu quả lối học này cho ra đời những “loa phát ngôn” lặp lời lẽ người khác, rập khuôn kiến thức, triệt tiêu sáng tạo. Thay vì bỏ thời gian học thuộc lòng hãy tập nghĩ, tập nói bằng lời mình. Thực tế cho thấy, trong khi dùng lời của mình diễn ý, người nói vừa sắp xếp ý tứ, vừa tư duy, vừa phát hiện, và rồi sẽ nhớ kiến thức lâu bền hơn; ngược lại, trong khi lặp lại trơn tru nguyên lời ai đó, người nói thụ động phát âm những cái mình không hiểu, để rồi dễ dàng quên ngay sau đó. Thói quen này của học sinh phổ thông theo các em lên đại học. Nó bị loại trừ khi tham gia học phần Văn học Nga. Sinh viên khi trình bày kiến thức có thể sử dụng (nhìn vào) tất cả tài liệu nhưng không được đọc nguyên văn lời nào trong

các văn bản trước mặt, trừ khi cần trích dẫn.

Khác với lối học trước kia thường kiểm tra tiểu sử nhà văn, học phần Văn học Nga không yêu cầu sinh viên nhớ năm sinh tháng mất, những cột mốc con số ghi lại diễn biến cuộc đời nhà văn, thời điểm ra đời tác phẩm... Những điều ấy, sau này nếu cần, có thể tra cứu một cách dễ dàng và chính xác trong từ điển, sổ sách, chứng liệu. (Điều này cũng có nghĩa là hình thức kiểm tra trắc nghiệm nên loại các kiến thức kiểu này ra khỏi bảng câu hỏi). Nhưng sinh viên lại phải biết cách sử dụng hiểu biết của mình (thông qua giáo trình, tài liệu tham khảo và tác phẩm văn học) trình bày niên đại của nhà văn. Đó là đặt nhà văn vào thời đại, trào lưu mà ông ta thuộc về, ở đó có những có tiếng vọng nào của yêu cầu lịch sử, có dấu tích gì của những biến cố văn hóa – chính trị – xã hội, để thấy nhà văn cùng với thế hệ mình đóng góp được gì cho tiến trình chung của văn học, đồng thời cũng cho thấy phong cách độc đáo của ông so với thời đại, đẩy nhích tiến trình văn học lên một nấc mới. Muốn trình bày được những kiến thức có tính sâu chuỗi trên, người học buộc phải đọc nhiều hơn lời mình trình bày, liên hệ sang cả những tri thức về lịch sử văn học, lịch sử văn hóa, lí luận văn học... Chính bởi thế anh ta không thể nào đọc nguyên văn một đoạn nào trong giáo trình hay tài liệu tham khảo, mà phải huy động vốn hiểu biết, dùng lời của mình diễn đạt lớp lang, kết nối hợp lí khối kiến thức bề rộng, khái quát nhiều lĩnh vực.

Ví dụ, đọc xong toàn bộ phần giáo trình về Pushkin khoảng 60 trang, các tài

liệu đọc thêm về ông, các văn bản tác phẩm của ông, cộng thêm việc luôn phải quay trở về bài *Khái quát* để kết nối các dữ kiện văn hóa xã hội, các đặc điểm của văn học Nga mà Pushkin như một đại diện xuất sắc nhất góp phần làm nên, sinh viên mới có thể khái quát được niên đại của nhà văn vĩ đại này, trong khoảng vài ba phút cô đọng. Làm sao nối kết “sự hấp dẫn chìm” của tác phẩm Chekhov (một kiểu truyện phân novella) với “tính dân chủ” của người sáng tác và với sự “đồng sáng tạo” của người đọc? Với vấn đề như thế, buộc người học phải huy động không chỉ là hiểu biết văn bản tác phẩm mà còn cả kiến thức lí luận Tiếp nhận văn học. Khi nối kết tri thức liên ngành như vậy, anh ta buộc phải xây dựng một loạt các luận điểm, diễn đạt lại bằng lời lẽ của mình.

2.3. Không có một phương án/dáp án/câu trả lời duy nhất cho một vấn đề (*Rèn luyện kĩ năng tư duy độc lập, tư duy phản biện, khả năng tích hợp kiến thức*)

Phàm những người có hiểu biết, có lí trí thì không bao giờ chấp nhận sự áp đặt ý kiến, mà luôn loay hoay với những điều thắc mắc, những phương án trả lời không thỏa đáng. Thực tế làm việc với sinh viên có đọc sách, những câu hỏi như “Tại sao lại như thế?”, “Tại sao không phải là?”... luôn được đặt ra. Diễn biến buổi học buồn tẻ hay thú vị, thu về ít hay nhiều lợi ích cho người học lẫn người dạy, phụ thuộc rất nhiều ở chất lượng câu hỏi/ vấn đề được sinh viên đặt ra. Mà muốn có những câu hỏi hay, những vấn đề “có vấn đề” thì, trước đó, sinh viên phải chuẩn bị chu đáo kiến thức tự học, nghiền ngẫm và phát

hiện, rồi biết trình bày lưu loát trước cử tọa điều mình phát hiện hay muốn bảo vệ hoặc phản đối. Nghĩa là, để thực hiện được nguyên tắc “không có đáp án duy nhất cho một vấn đề”, sinh viên phải thực hành tốt hai nguyên tắc nêu trước đó.

Được thiết kế như các cuộc trao đổi, tranh biện, tiết học Văn học Nga chỉ dành một thời lượng nhất định cho việc thuyết trình sâu của giảng viên vấn đề trọng tâm. Hình thức trao đổi xoay quanh hai trục chính: trao đổi giữa giảng viên với sinh viên và trao đổi giữa sinh viên với sinh viên, nhưng thông thường cả hai hình thức này không tách bạch nhau. Thống nhất một **nguyên tắc tranh luận/ đối thoại**: Mỗi vấn đề có khả năng được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau; trước vấn đề đặt ra, ai cũng có quyền đưa ra quan điểm của mình, nhưng phải tin vào nó, biết lập luận chặt chẽ để chứng minh và bảo vệ nó, bác bỏ hợp lí quan điểm của người khác. Trong cuộc đối thoại, giảng viên thiết kế một môi trường vừa tương tác với từng đối tượng, vừa tạo tình huống cho tất cả cùng tham gia. Tuy đóng vai trò điều chỉnh, dàn xếp các ý kiến trái chiều, giải quyết mâu chốt vấn đề nhưng giảng viên cố gắng khách quan, không áp đặt thiên kiến cá nhân. Phía sinh viên, đòi hỏi mỗi cá nhân bộc lộ bản lĩnh, sự linh hoạt trước mỗi tình huống đặt ra, cần cởi mở lắng nghe ý kiến trái chiều, tôn trọng người đối thoại, và nếu cần, có thể điều chỉnh khuynh hướng tư duy thiên lệch của bản thân. Mỗi tác gia/ mỗi vấn đề/ mỗi tình huống có thể bàn luận nhiều lần nhưng câu trả lời không nên bao nhiêu năm vẫn từng ấy lời từng ấy ý, thậm chí từng ấy

giọng điệu và cảm xúc. Đứng trước hiện tượng nhiều sinh viên có thói quen dùng phương án có sẵn trong vở ghi của anh chị khóa trước để trả lời tron tru mà không hiểu nội dung mình nói, giảng viên cần có những biện pháp kiểm chứng kiểu “trả lời chay” ấy, kịp thời chỉnh đốn.

Mỗi sự vật sự việc trên đời tồn tại không biệt lập, luôn nằm trong những mối quan hệ phức tạp và thú vị, tương phản tương hỗ nhau, giúp làm sáng rõ nhau hơn trong cái nhìn đa chiều. Thế giới hôm nay có muôn vàn kênh cung cấp tri thức để có thể so sánh, đối chiếu, kiểm chứng. Sinh viên cần làm một khả năng bao quát, biết chọn lọc, biết liên kết một cách mềm dẻo, linh hoạt, biện chứng. Đứng trước tư tưởng “Cần mở mang dân trí, khai sáng nhân dân trước khi nói đến chữ tự do” trong sáng tác của nhà văn Nga Pushkin, sinh viên có thể liên hệ với tư tưởng “Cải tạo quốc dân tính” của nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn và tìm thấy sự đúng đắn của chân lí ấy trong tư tưởng “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, từ đó liên hệ với thực trạng xã hội, giáo dục... Trường hợp L. Tolstoi, nếu bàn về nghệ thuật có thể ít xảy ra bất đồng ý kiến,

thì khi bàn về tư tưởng tôn giáo và giáo dục sư phạm của ông lại luôn dấy lên trong sinh viên những ý kiến trái chiều. Đáp án cho những vấn đề đó luôn đa diện, luôn mở và hữu ích cho đời sống thực tế.

Trên đây là một vài kinh nghiệm dạy và học Văn học Nga theo học chế tín chỉ, được đúc rút từ hoạt động chuyên môn. Cần nói ngay rằng, những ứng dụng nêu trên không phải là lúc nào cũng đem lại hiệu quả như mong muốn, nhất là không phải sinh viên nào cũng có khả năng tuân thủ chặt chẽ và thực hiện hiệu quả các nguyên tắc và yêu cầu được đề ra. Tuy nhiên không vì thế mà người dạy nhượng bộ để rồi lần hồi quay về phương thức cũ. Những gì trình bày ở đây cũng là muốn chia sẻ sự nghiêm túc tìm tòi đổi mới nhằm đảm bảo được đặc trưng và chất lượng của phương thức đào tạo mới, góp phần kịp thời chuẩn bị đội ngũ giáo viên có thể tiếp ứng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, trong đó chú trọng các phẩm chất *tự học, giao tiếp, hợp tác, thẩm mỹ, tổng hợp kiến thức, tư duy và giải quyết vấn đề...* như đã trình bày ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dân Trí. (06/02/2017). *Triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm 2018 - 2019*. Khai thác từ: <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/trien-khai-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-tu-nam-2018-2019-20170206092536119.htm>
- Phạm Thị Phương (2013). *Giáo trình Văn học Nga*. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.